

Số: **154/2017/QĐST- HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Trí L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 7, đường T, tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Chị **Cao Thị H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 5, ngõ 7, đường T, tổ 16, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 11, tổ 6, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 – Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Trí L. và chị Cao Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 07/7/2014 cho chị Cao Thị H. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Trí L. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9/2017.

Anh Nguyễn Trí L. được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được phép cản trở.

Trong hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t_{ong} ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ_{ợc} thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh Nguyễn Trí L. và chị Cao Thị H. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Trí L. tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003268 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh L. đã nộp xong tiền án phí của vụ án.

Chị Cao Thị H. không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến

